

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

Số: 190 /TB-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Định, ngày 12 tháng 11 năm 2018



**THÔNG BÁO**  
**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách  
địa phương 9 tháng đầu năm 2018**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Công văn số 3949/BTC-NSNN ngày 05/4/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN năm 2015,

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018 (Có báo cáo thuyết minh và biểu số liệu kèm theo).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.

UBND tỉnh thông báo để các Sở, ban, ngành; các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan được biết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website UBND tỉnh;
- Báo Nam Định;
- Lưu: VP1, VP6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

*(Handwritten signature)*  
**Ngô Gia Tự**





**BÁO CÁO**  
**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH**  
**ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

(Kèm theo Thông báo số: 190 /TB-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Nam Định)

**1. Về thu ngân sách (Biểu số 60/CK-NSNN):**

Dự toán HĐND tỉnh giao 4.300.000 triệu đồng.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 9 tháng năm 2018 thực hiện 3.669.065 triệu đồng, đạt 85% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 40% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó:

a) **Thu nội địa:** 3.399.430 triệu đồng, đạt 85% dự toán và tăng 41% so với cùng kỳ năm 2017. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa là 1.840.553 triệu đồng, đạt 65% dự toán và tăng 9% so với cùng kỳ năm 2017. Thu tiền sử dụng đất 1.558.877 triệu đồng, đạt 133% dự toán và tăng 116% so với cùng kỳ.

b) **Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:** 269.635 triệu đồng, đạt 86% dự toán và tăng 35% so với cùng kỳ năm 2017.

Mặc dù thu ngân sách trên địa bàn tăng so với cùng kỳ năm 2017 nhưng vẫn đạt thấp so với tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao. Một số khoản thu đạt tiến độ thấp như: Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 47% dự toán, Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 50% dự toán, Thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 62%...

**2. Về chi ngân sách (Biểu số 61/CK-NSNN):**

Dự toán HĐND tỉnh giao: 11.497.591 triệu đồng.

Chi ngân sách địa phương 9 tháng năm 2018 thực hiện 9.054.227 triệu đồng, đạt 79% dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó:

a) **Chi đầu tư phát triển:** 3.682.761 triệu đồng, đạt 117% dự toán.

b) **Chi thường xuyên:** 5.245.466 triệu đồng, đạt 69% dự toán.

c) **Chi trả nợ vay:** 126.000 triệu đồng.

Chi thường xuyên 9 tháng năm 2018 chủ yếu tập trung chi lương và các khoản có tính chất lương, đảm bảo hoạt động có tính chất thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp; Ngoài ra thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội nói riêng và chi phát triển kinh tế - xã hội nói chung./.



**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

(Kèm theo Thông báo số: 190 /TB-UBND ngày 12 /11/2018 của UBND tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>4.300.000</b>	<b>2.613.997</b>	<b>3.669.065</b>	<b>85%</b>	<b>140%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>4.300.000</b>	<b>2.613.997</b>	<b>3.669.065</b>	<b>85%</b>	<b>140%</b>
1	Thu nội địa	3.985.000	2.413.734	3.399.430	85%	141%
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	315.000	200.263	269.635	86%	135%
4	Thu viện trợ					
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>					
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>11.497.591</b>	<b>7.547.223</b>	<b>9.054.227</b>	<b>79%</b>	<b>120%</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>11.390.691</b>	<b>7.382.723</b>	<b>8.928.227</b>	<b>78%</b>	<b>121%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3.151.931	2.309.009	3.682.761	117%	159%
2	Chi thường xuyên	7.612.391	5.073.714	5.245.466	69%	103%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.100				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.510				
5	Dự phòng ngân sách	192.110				
6	Chi mục tiêu từ ngân sách Trung ương	282.642				
7	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	147.007				
<b>B</b>	<b>BỘI THU NSDP</b>	<b>106.900</b>	<b>164.500</b>	<b>126.000</b>		
1	Kế hoạch vốn vay	74.560				
2	Trả nợ vay	181.460	164.500	126.000	69%	77%



## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số: 190 /TB-UBND ngày 12 /11/2018 của UBND tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>4.300.000</b>	<b>2.613.997</b>	<b>3.669.065</b>	<b>85%</b>	<b>140%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>3.985.000</b>	<b>2.413.734</b>	<b>3.399.430</b>	<b>85%</b>	<b>141%</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	455.000	310.121	282.349	62%	91%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	150.000	66.965	75.481	50%	113%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.000.000	496.619	472.181	47%	95%
4	Thuế thu nhập cá nhân	185.000	122.263	152.057	82%	124%
5	Thuế bảo vệ môi trường	370.000	244.942	255.059	69%	104%
6	Lệ phí trước bạ	255.000	121.372	195.186	77%	161%
7	Thu phí, lệ phí	75.000	91.011	61.593	82%	68%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.254.000	812.033	1.712.051	137%	211%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.000	9.312	11.177	80%	120%
-	Thu tiền sử dụng đất	1.170.000	722.740	1.558.877	133%	216%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	70.000	79.540	141.555	202%	178%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		441	442		100%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		1.414	1.663		118%
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	31.000	22.628	25.740	83%	114%
11	Thu tại xã	75.000	61.186	65.580	87%	107%
12	Thu khác ngân sách	135.000	63.180	100.127	74%	158%
13	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước			363		
<b>II</b>	<b>Thu từ đầu thô</b>					
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>315.000</b>	<b>200.263</b>	<b>269.635</b>	<b>86%</b>	<b>135%</b>
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>					
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>3.683.600</b>	<b>2.204.254</b>	<b>3.179.353</b>	<b>86%</b>	<b>144%</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	2.068.600	1.185.621	1.178.770	57%	99%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.615.000	1.018.633	2.000.583	124%	196%



**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**  
(Kèm theo Thông báo số: 190 /TB-UBND ngày 12 /11/2018 của UBND tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2017	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>11.497.591</b>	<b>7.547.223</b>	<b>9.054.227</b>	<b>79%</b>	<b>120%</b>
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>11.390.691</b>	<b>7.382.723</b>	<b>8.928.227</b>	<b>78%</b>	<b>121%</b>
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.151.931</b>	<b>2.309.009</b>	<b>3.682.761</b>	<b>117%</b>	<b>159%</b>
III	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>7.612.391</b>	<b>5.073.714</b>	<b>5.245.466</b>	<b>69%</b>	<b>103%</b>
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.364.259	2.163.127	2.289.304	68%	106%
2	Chi khoa học và công nghệ	25.478	12.574	13.798	54%	110%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	855.466	664.619	642.179	75%	97%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	65.052	52.151	48.304	74%	93%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	36.494	23.409	24.325	67%	104%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	36.693	25.613	20.010	55%	78%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	144.568	95.126	87.517	61%	92%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.086.790	498.425	476.150	44%	96%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.324.012	968.341	964.387	73%	100%
10	Chi bảo đảm xã hội	512.774	440.693	515.061	100%	117%
III	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>3.100</b>				
IV	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.510</b>				
V	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>192.110</b>				
VI	<b>Chi mục tiêu từ ngân sách Trung ương</b>	<b>282.642</b>				
VII	<b>Chi chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>147.007</b>				
B	<b>BỘI THU NSDP</b>	<b>106.900</b>	<b>164.500</b>	<b>126.000</b>		
1	Kế hoạch vốn vay	74.560				
2	Trả nợ vay	181.460	164.500	126.000		